

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HS-ST

Ngày: 28/02/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo

2. Ông Hồ Văn Cẩm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hội - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/02/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/HSST ngày 12/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 552/2024/QĐXXST-HS ngày 01/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Ngọc L**; giới tính: nam; sinh năm 1982 tại tỉnh K, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty TNHH S; nơi thường trú: 100/20, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tiền án, tiền sự: không; con ông Trương C và bà Nguyễn Thị Mỹ H; sống chung với Ngô Thị H1 và bà Trần Thị N; có 01 con chung với bà H1 và 01 con chung với bà N, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019. Bắt, tạm giam: 06/01/2022;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông **Nguyễn Tiến D**, luật sư của Công ty TNHH V, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bà **Ngô Thị Hoàng A**, luật sư của Công ty H2, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Công ty S), có địa chỉ trụ sở đặt tại số H đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, do bà Huỳnh Thị Sà Q (dân tộc Khơ me) là chủ sở hữu và người đại diện pháp luật; đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 11/7/2018. Công ty S thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 05/10/2018, theo đó, trụ sở Công ty D2 về địa chỉ số H đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chủ sở hữu là Trương Ngọc L; ngành nghề kinh doanh: sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu.v.v... Hiện nay, Công ty S tạm ngưng hoạt động.

Ngày 05/9/2018, Công ty S1 tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 102205219910 NKD/ICD tại Cảng ICD P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Lô hàng do Nguyễn Thế T (người được Công ty S làm làm thủ tục hải quan) khai báo có nội dung như sau:

-Lô hàng gồm: 970 nắp đáy bằng nhựa của lò nướng thủy tinh; 940 chậu thủy tinh của lò nướng thủy tinh; 118 thiết bị đếm thời gian của lò nướng thủy tinh; 1.060 tay cầm bằng nhựa của lò nướng thủy tinh; 1.120 vỉ nướng;

-Tình trạng hàng hóa: mới 100%;

-Xuất xứ hàng hóa: Trung Quốc;

-Trị giá hàng hóa: 212.290.149đ.

Chữ ký và con dấu trên bộ tờ khai nhập khẩu và chứng từ liên quan đều mang tên Huỳnh Thị Sà Q và được đóng dấu của Công ty S2

Lô hàng được phân luồng vàng, sau đó chuyển kiểm tra thực tế 100%.

Nhân viên hải quan kiểm tra thực tế thì xác định được như sau: Lô hàng là 1.300 bộ lò nướng thủy tinh nguyên chiếc nhãn hiệu Asanzo, đồng bộ tháo rời, tình trạng mới 100%, không thể hiện xuất xứ hàng hóa, là hàng hóa nhập khẩu có điều kiện (*trước khi nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra chất lượng Nhà nước*). Do vậy, cơ quan Hải quan không cho thông quan và yêu cầu đại diện Công ty S đến làm việc để xử lý sai phạm.

Tại Cơ quan hải quan, bị cáo và T khai như sau:

Bị cáo L khai: L cùng một nhóm bạn góp vốn kinh doanh, thành lập Công ty S để nhập khẩu các mặt hàng điện gia dụng. Do không thống nhất được người đứng tên làm đại diện nên cả nhóm sử dụng giấy tờ tùy thân của bà Huỳnh Thị Sà Q thành lập Công ty S2. Toàn bộ hồ sơ đăng ký thành lập Công ty S tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đều do người trong nhóm ký giả chữ ký của bà Huỳnh Thị Sà Q. Lô hàng nhập khẩu đã đề cập là do L mua của đối tác nước ngoài, các chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q trên hồ sơ nhập khẩu hàng hóa là do người trong nhóm của L ký giả. Sau đó, L thuê Nguyễn Thế T làm thủ

tục nhập khẩu khai báo là hàng linh kiện để không phải kiểm tra chất lượng theo quy định của Nhà nước.

Nguyễn Thế T khai: Thông qua mối quan hệ xã hội, T quen biết với L. Khoảng tháng 8/2018, L gọi điện nhờ T làm thủ tục hải quan nhập lô hàng lò nướng thủy tinh. Sau đó, L đưa bộ hồ sơ mua bán hàng hóa để T mở tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa số 102205219910/A11 ngày 05/9/2018 và nộp hồ sơ khai báo tại Chi cục hải quan Cảng Sài Gòn Khu vực 4. Tờ khai hải quan được phân luồng vàng. Sau đó, nhân viên hải quan tiến hành kiểm tra thực tế thì phát hiện hàng hóa không đúng như khai báo. T chỉ là người được L thuê làm thủ tục hải quan, T không biết gì việc buôn lậu của L.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định để xác định hàng hóa thu giữ của Công ty S có phải là hàng nguyên chiếc, đồng bộ tháo rời hay không; là hàng gì, xuất xứ hàng hóa, tính năng sử dụng; là hàng cũ hay hàng mới.

Ngày 09/10/2018, bị cáo L và T đến Cơ quan hải quan để làm việc.

Theo Thông báo kết quả giám định số 012/N5.19/TĐ ngày 17/5/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 3, xác định được như sau (bl.126-128): Hàng hóa thu giữ đã nêu trên là hàng mới, không có dấu hiệu đã qua sử dụng; căn cứ mô tả cấu hình sản phẩm nêu trong hướng dẫn sử dụng để trong bộ phận thân lò và thử nghiệm vận hành thực tế trên sản phẩm thì các linh kiện, cụm linh kiện có thể ghép với nhau tạo thành lò nướng hoàn chỉnh; chức năng sử dụng là để nướng thực phẩm trong gia đình; không có đủ căn cứ để xác định xuất xứ của thiết bị.

Theo Kết luận định giá tài sản số 164/KL-HĐĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố xác định được như sau: Trị giá hàng hóa buôn lậu thu giữ của Công ty S vào thời điểm tháng 9/2018 là 1.287.000.000đ (bl.143).

Ngày 17/7/2019, Cơ quan điều tra khởi tố vụ án; ngày 03/3/2020, khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam đối với L về tội “Buôn lậu”.

L bỏ trốn nên Cơ quan điều tra quyết định truy nã. Ngày 06/01/2022, L bị bắt.

Trong quá trình điều tra, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố đã tiến hành định giá lại trị giá hàng hóa buôn lậu. Theo Kết luận định giá tài sản số 8530/KL-HĐĐGTS ngày 04/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố xác định được như sau: Trị giá hàng hóa buôn lậu thu giữ của Công ty S vào thời điểm tháng 9/2018 có giá bán buôn là 414.700.000đ (đã bao gồm thuế VAT).

Tại cơ quan điều tra, bị cáo và những người có liên quan khai như sau:

Bị cáo L khai: Liêm là công nhân làm việc tại Công ty Cổ phần Đ (Công ty Đ). Ông Phạm Văn T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Đ đã chỉ đạo một

nhóm người gồm L, T và Huỳnh Thị N1 sử dụng giấy CMND của bà Huỳnh Thị Sà Q để thành lập Công ty S; với mục đích để nhập khẩu hàng hóa cho Công ty Đ. Tháng 10/2018, ông T1 cho L biết Công ty S đang có lô hàng nhập khẩu là lò nướng thủy tinh nguyên chiếc nhưng khai báo hải quan là linh kiện lò nướng thủy tinh nên bị Hải quan tạm giữ, không cho thông quan và yêu cầu đại diện của Công ty S lên làm việc nhưng Huỳnh Thị Sà Q không chịu đến làm việc với Hải quan. Do đó, ông T1 đã đề nghị L ký các giấy tờ để làm thủ tục mua lại Công ty S từ chủ sở hữu tên Huỳnh Thị Sà Q; đồng thời, chuyển tên chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty S từ Huỳnh Thị Sà Q sang cho L, để L làm việc với Hải quan nhằm mục đích thông quan lô hàng. L đồng ý và ký hợp đồng nhận chuyển nhượng vốn góp của Công ty S từ Huỳnh Thị Sà Q sang cho L, ký Điều lệ Công ty S với tư cách chủ sở hữu và đại diện theo pháp luật. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, ngày 09/10/2018, L đến Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh làm việc nhằm mục đích thông quan lô hàng. Khi đến làm việc với cơ quan Hải quan, T đưa cho L 300.000.000đ để L đưa cho cán bộ Hải quan nhằm giải quyết cho thông quan nhưng cán bộ Hải quan không nhận. Do cơ quan Hải quan không đồng ý cho thông quan lô hàng mà chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra nên theo yêu cầu của ông T1, L đã bỏ trốn, ông T1 cho L mỗi tháng 30.000.000đ.

Ông Phạm Văn T1 (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Đ) khai: Tam sử dụng số điện thoại 0909799345 từ năm 2003. Từ tháng 01/2018, Công ty Đ đã ngừng sản xuất sản phẩm lò nướng thủy tinh. Tam không có quan hệ quen biết Trương Ngọc L, Huỳnh Thị Sà Q và không liên quan đến việc Công ty S nhập khẩu lò nướng thủy tinh mang nhãn hiệu Asanzo ; không có việc thỏa thuận sử dụng pháp nhân Công ty S để tổ chức nhập khẩu hàng hóa mang tên Công ty Đ.

Bà Huỳnh Thị Sà Q khai: Hai vợ chồng bà Q làm công nhân của Công ty Đ từ 5/2018. Quá trình làm việc, nhân viên Phòng nhân sự (tên thường gọi Bé ú) của Công ty Đ yêu cầu bà Q đưa Chứng minh nhân dân bản chính để làm thẻ nhận lương, sau hai ngày sẽ trả lại. Vợ chồng bà Q làm được 02 tháng thì nghỉ việc. Sau khi nghỉ, vào khoảng tháng 9/2018, bà K, Trưởng Phòng nhân sự của Công ty Đ gọi điện thoại thông báo cho bà Q biết Công ty Đ đã mượn chứng minh nhân dân bà Q để làm thủ tục nhập lô hàng hiện đang bị Cơ quan Hải quan tạm giữ và nhờ bà Q đến Cơ quan Hải quan liên hệ làm việc, nộp phạt lấy hàng về, Công ty sẽ trợ cấp tiền cho bà Q nhưng bà Q không đồng ý. Bà Q không đứng tên thành lập, làm giám đốc hay làm đại diện theo pháp luật của Công ty S2 Tất cả chữ ký trên hợp đồng mua bán hàng hóa từ nước ngoài, chữ ký trên hồ sơ khai báo Hải quan, giấy giới thiệu, các giấy tờ khác liên quan đến Công ty S ghi tên Huỳnh Thị Sà Q đều không phải do bà Q ký.

Ông Nguyễn Thế T khai: Vào khoảng tháng 8/2018, L nhờ T làm dịch vụ Hải quan nhập khẩu lô hàng “Lò nướng thủy tinh”. Sau đó, một người (không rõ lai lịch) đưa bộ hồ sơ nhập khẩu để T mở tờ khai Hải quan nhập khẩu hàng hóa số 102205219910/A11/NKD-ICD ngày 05/9/2018 và nộp hồ sơ khai báo tại Chi cục Hải quan Cảng Sài Gòn Khu vực 4. Ngày 05/02/2020, Cơ quan điều tra tiến

hành cho T nhận dạng qua ảnh đối với L, T nhận dạng xác định L là người thuê T làm thủ tục đăng ký mở tờ khai Hải quan.

Bà Huỳnh Thị N1 khai: Vào khoảng tháng 5/2018, T liên hệ điện thoại với N1, đề nghị N1 đến làm việc với Cơ quan Hải quan liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa của Công ty S, với tư cách là trợ giúp viên pháp lý, hỗ trợ T, tiền công 500.000đ/buổi làm việc. N1 không biết gì về lô hàng nhập lậu, không biết ai tên Trương Ngọc L, Huỳnh Thị Sa Q1 hay có bất kỳ mối quan hệ gì với Công ty S; T cũng chưa trả tiền công cho N1.

Bà Nguyễn Thị K1 (nhân viên Công ty Đ) khai: Từ cuối năm 2018, K1 được ông T1 phân công phụ trách điều hành Phòng nhân sự của Công ty Đ. K1 là người trực tiếp tuyển dụng, điều chuyển công nhân tại Công ty và các bộ phận có liên quan. K1 không biết gì về hoạt động của Công ty S, cũng như không biết việc Huỳnh Thị Sà Q, Trương Ngọc L lần lượt đứng tên Giám đốc Công ty S2

Ngày 13/10/2022, Cơ quan điều tra tiến hành cho đối chất giữa L và ông T1, để làm rõ vai trò của T1 trong vụ án. Tuy nhiên, T1 chỉ thừa nhận L là nhân viên của Công ty Đ, ngoài ra không thừa nhận các nội dung khác mà L khai có liên quan đến T1.

Cơ quan điều tra đã trích xuất dữ liệu trên máy điện thoại do L sử dụng thể hiện: Danh bạ điện thoại của L có lưu số điện thoại 0909799345 mang tên “Bạn” (đây là số điện thoại do T1 sử dụng), số điện thoại 0938719707 tên “A D1”. Ngoài ra, điện thoại của L còn có chứa hình ảnh trao đổi giữa L với “Bạn”, “1”, “sếp Tam” về việc lẩn trốn của L.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ một số đồ vật, tài liệu liên quan như sau:

-Biên bản làm việc số 91/BB-HC11 ngày 09/10/2018 của Công ty S có chữ ký mang tên Trương Ngọc L và hình con dấu của Công ty S;

-Giấy ủy quyền không số đề ngày 08/9/2019 và giấy ủy quyền số 01/GUQ đề ngày 13/9/2018 có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q và hình con dấu của Công ty S;

-Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 010, số A và Quyết định chủ sở hữu đề ngày 2/11/2018;

-Hợp đồng (Sales Contract) số ZSK-SH01/2018 đề ngày 22/7/2018, có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q và hình con dấu của Công ty S; bên bán hàng là Công ty Z. &.EXP. CO. , LTD (bl.354, 591);

-Tài liệu Pakckinglist đề ngày 13/8/2018 có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q và hình con dấu của Công ty S;

-Công văn số 001-18/CV-SH không đề ngày có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q và hình con dấu của Công ty S;

-Văn bản Official Letter có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q và hình con dấu của Công ty S;

-Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên đề ngày 06/7/2018 và Điều lệ Công ty TNHH S có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q;

-Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin doanh nghiệp số 01/2018/TB-SH đề ngày 03/10/2018 có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q;

-Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 01/2018/TB-SH đề ngày 03/10/2018 có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q;

-Thông báo thay đổi chủ sở hữu Công ty TNHH MTV S3 đề ngày 03/10/2018 của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới làm đại diện pháp luật cho Công ty TNHH S có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q và Trương Ngọc L;

-Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 01/2018/TB-SH ngày 03/10/2018 có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q;

-Quyết định chủ sở hữu Công ty TNHH S ngày 03/10/2018 có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q;

-Điều lệ Công ty TNHH S có chữ ký mang tên Trương Ngọc L;

-Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đề ngày 03/10/2018 có chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q và Trương Ngọc L.

Kết quả định giá, giám định chữ ký, chữ viết, con dấu:

Căn cứ Kết luận giám định số 353/KLGD-TT ngày 26/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu chứng cứ thu thập được, xác định được như sau:-Chữ viết, chữ ký mang tên Trương Ngọc L trên các tài liệu đã nêu là chữ viết, chữ ký của Trương Ngọc L;-Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TNHH S-TM SA HUỖNH* QUẬN 7 - TP . HỒ CHÍ MINH* M.S.D.N: 0315160060” là do con dấu của Công ty S;-Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Huỳnh Thị Sà Q trên các tài liệu đã nêu là chữ ký của bà Huỳnh Thị Sà Q.

Vật chứng thu giữ:

-1.300 bộ lò nướng thủy tinh nguyên chiếc nhãn hiệu Asanzo (không rõ xuất xứ hàng hóa);

-01 điện thoại Samsung (của bị cáo);

-01 USB lưu giữ dữ liệu trích xuất từ điện thoại của bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-P3 ngày 08/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Ngọc L về tội “Buôn lậu” theo điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

-Xử phạt bị cáo Trương Ngọc L từ 05 đến 06 năm tù về tội “Buôn lậu”;

-Tịch thu hàng hóa buôn lậu;

-Giao trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại Samsung do không liên quan đến tội phạm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo như sau:

Bị cáo L khai nhận hành vi đúng sự thật, thành khẩn khai báo, tích cực hỗ trợ việc điều tra.

Viện kiểm sát nhận định vụ án có đồng phạm nhưng không xác định vai trò của L. Trong vụ án có nhiều đối tượng tham gia, nhưng qua nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung vẫn chưa được làm rõ, Cơ quan điều tra đã tách ra để điều tra là bất lợi cho bị cáo vì bị cáo không phải chủ mưu. Quá trình điều tra, bị cáo L khai nhận không trả tiền lô hàng và không góp vốn để tìm ra chủ thực sự của lô hàng này. L chỉ tham gia ký hợp đồng góp vốn mua lại nhưng không trả tiền.

Theo Điều 5a.2 Thông tư 07/2017/TT-BKHCN ngày 16/6/2017 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 27/2012 ngày 12/12/2012) và Quyết định số 342/QĐ-BKHCN ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thì lò nướng điện là hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, trước khi nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra chất lượng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; việc kiểm tra chất lượng được thực sau khi hàng hóa được thông quan. Theo quy định tại Điều 16 Thông tư 27 thì Cơ quan nhập khẩu lò nướng thủy tinh nguyên chiếc nhưng chưa đăng ký kiểm tra chất lượng thì cơ quan hải quan phải yêu cầu Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra. Nếu hàng hóa có vi phạm chất lượng thì chuyển hồ sơ cho cơ quan hải quan để xử lý theo hướng áp dụng biện pháp tái xuất hoặc tiêu hủy hoặc tái chế. Do vậy, hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm. Với các lý do đã nêu, không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “Buôn lậu”.

Theo hợp đồng mua bán thì lô hàng nhập khẩu chỉ có giá trị hơn 200.000.000đ. Do vậy, trong trường hợp xác định bị cáo có tội, thì bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự.

Hàng hóa do Công ty S4 đã bị thu giữ, bị cáo mới học đến lớp 4/12. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm h và m khoản 1 Điều 51 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình

sự để xử phạt bị cáo với mức án dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là quá nặng.

Bị cáo đồng ý với ý kiến của các luật sư, không bào chữa bổ sung.

Kiểm sát viên tranh luận như sau:

Luật sư Hoàng A cho rằng bị cáo phạm tội ở khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ vì tội “Buôn lậu” định lượng bằng cách xác định tổng giá trị hàng hóa vi phạm.

Vụ án có nhiều đối tượng tham gia nhưng các đối tượng có liên quan quanh co chối tội, Viện kiểm sát đã tách hành vi của những cá nhân này để điều tra bằng một vụ án khác.

Luật sư Nguyễn Tiến D đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại điểm h và điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo là không có căn cứ.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các luật sư bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã có hành vi tham gia vào việc buôn lậu, với cách thức: Thành lập Công ty S, mua hàng hóa ở nước ngoài, nhập khẩu vào Việt Nam nhưng khai báo không trung thực về hàng hóa nhập khẩu, nhằm tránh việc kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cụ thể, vào ngày 05/9/2018, khi làm thủ nhập khẩu lô hàng 1.300 bộ lò nướng điện nguyên chiếc, đồng bộ tháo rời, tình trạng mới 100% do Công ty S mua từ nước ngoài, nhưng bị cáo lại khai là hàng linh kiện rời của lò nướng điện. Theo kết quả định giá tài sản của Cơ quan có thẩm quyền thì tổng trị giá tài sản nhập lậu là 414.700.000đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý vi phạm.

[3]. Về những nội dung bào chữa của luật sư và của bị cáo:

Theo kết quả xác minh tại Chi cục T2, Công an phường T, Quận G và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2-Chi nhánh S5, xác định được như sau:

-Công ty S không lập thủ tục kê khai thuế; không có trụ sở hoạt động; mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 - Chi nhánh S5 nhưng không có phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa.

-Người đứng tên chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật của Công ty S là bà Huỳnh Thị Sà Q, nhưng bà Q lại không biết gì về Công ty S; các tài liệu có chữ ký mang tên bà Q trên các tài liệu liên quan đến Công ty S cũng không phải là của bà Q.

Như vậy, có căn cứ xác định rằng Công ty S được thành lập là chỉ để làm bình phong để che giấu hoạt động bất minh.

Theo quy định của pháp luật thì lò nướng điện nguyên chiếc là hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải kiểm tra chất lượng. Khi nhập khẩu loại hàng hóa này thì doanh nghiệp phải chủ động đăng ký để kiểm tra chất lượng hàng hóa. Tuy nhiên, khi làm thủ tục nhập khẩu mặt hàng đã nêu, thông qua T, L đã khai báo gian dối về hàng hóa nhập khẩu, khai hàng hóa nhập khẩu là linh kiện rồi để được thông quan mà không phải kiểm tra.

Theo quy định tại điểm c mục 6 Điều 3 Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ thì “Hàng hóa nhập khẩu không đi qua cửa khẩu quy định, không làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hoặc gian lận số lượng, chủng loại hàng hóa khi làm thủ tục hải quan” được xác định là “hàng hóa nhập lậu”. Như vậy, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội buôn lậu.

Các luật sư viện dẫn Điều 5a.2 Thông tư 07/2017/TT-BKHCN ngày 16/6/2017 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 27/2012 ngày 12/12/2012) và Quyết định số 342/QĐ-BKHCN ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và lập luận cho rằng lò nướng điện là hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, trước khi nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra chất lượng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; việc kiểm tra chất lượng được thực sau khi hàng hóa được thông quan. Theo quy định tại Điều 16 Thông tư 27 thì Cơ quan nhập khẩu lò nướng thủy tinh nguyên chiếc nhưng chưa đăng ký kiểm tra chất lượng thì cơ quan hải quan phải yêu Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra. Nếu hàng hóa có vi phạm chất lượng thì chuyển hồ sơ cho cơ quan hải quan để xử lý theo hướng áp dụng biện pháp tái xuất hoặc tiêu hủy hoặc tái chế. Do vậy, hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm “Buôn lậu”. Việc các luật sư lập luận như đã nêu là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, quy định vừa nêu chỉ áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu lò nướng điện nguyên chiếc nhưng khai báo trung thực (không có yếu tố khai báo gian dối về số lượng, chủng loại hàng hóa khi làm thủ tục nhập khẩu); không được áp dụng trong trường hợp vi phạm của bị cáo.

[4]. Căn cứ các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Buôn lậu” theo điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật hình sự. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo: Hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm lớn cho xã hội. Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù trong vụ án này chỉ có một mình bị cáo đưa ra xét xử nhưng có căn cứ để cho rằng bị cáo chỉ là đồng phạm giúp sức cho các đối tượng khác mà Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ. Yếu tố này cũng cần được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có phần nặng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tương xứng với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng. Đối với 1.300 lò nướng thủy tinh: Là hàng hóa do phạm tội mà có, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại Samsung thu giữ của bị cáo: Không có căn cứ để xác định là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần giao trả lại cho bị cáo. Đối với USB chứa các file dữ liệu trích xuất từ điện thoại của bị cáo: Đây là tài liệu thu thập liên quan đến vụ án, cần đưa vào lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7]. Trong vụ án này, bị cáo khai việc việc thành lập Công ty S là do T1 chỉ đạo cho bị cáo, Nguyễn Thế T và Nguyễn Thị K1 thực hiện. Có dấu hiệu cho thấy T1, T, K1 tham gia vào việc phạm tội. Tuy nhiên, chưa có đủ cơ sở vững chắc để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng này. Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra là rõ. Do vậy, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

1. Xử phạt bị cáo **Trương Ngọc L** 04 (bốn) năm tù về tội “Buôn lậu”; thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2022;

2. Về các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 1.300 lò nướng thủy tinh Asanzo.

-Giao trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7(2018), màu xanh, của Trương Ngọc L sử dụng, số kiểu máy SM-A750GN/DS, số Imei R58KB2E6V6W, Emei (khe 1) 353465100783636, Emei (khe 2) 353466100783634, được niêm phong kín, có chữ ký xác nhận của Trương Ngọc L, đề ngày 07/01/2022 (không kiểm tra bên trong niêm phong). (mã số NP1/267BB/2023)

-Lưu giữ vào hồ sơ vụ án: 01 (một) USB màu bạc, đã qua sử dụng, chứa dữ liệu trích xuất từ điện thoại di động Samsung (2018) nêu trên, được niêm phong kín, có chữ ký xác nhận của Trương Ngọc L, đề ngày 07/01/2022 (không kiểm tra bên trong niêm phong). (mã số NP2/267BB/2023)

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2023/267 ngày 24/4/2023 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC03 Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng đối với hàng hóa vi phạm là 1.300 lò nướng thủy tinh nguyên chiếc, hiệu Asanzo, đồng bộ tháo rời, được Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ tại Cảng ICD, Phước Long, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 3882/PC03-Đ9 ngày 21/4/2023.

3.Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Cục THADS TP.HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (9) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Người bào chữa; | (2) |
| - Đương sự; | (1) |
| - THAHS TP.HCM; | (1) |
| - Phòng PC53 - CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ. (27) | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân